

**THÔNG BÁO**  
**Về việc đăng tải công khai Danh sách Thừa hành viên hành nghề**  
**trên địa bàn thành phố Đồng Nai**

Căn cứ quy định tại Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên;

Nay Sở Tư pháp đăng tải công khai danh sách Thừa hành viên hành nghề trên địa bàn thành phố Đồng Nai trên Trang Thông tin điện tử của Sở Tư pháp, cụ thể như sau:

| STT | Họ và tên Thừa hành viên | Ngày, tháng, năm sinh | Số Quyết định bổ nhiệm                                      | Nơi hành nghề                                                | Số Thẻ Thừa hành viên |
|-----|--------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1   | Huỳnh Phước Lộc          | 14/05/1973            | 1074/QĐ-BTP ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp         | Văn phòng Thi hành án dân sự Doanh nghiệp tư nhân Bình Phước | 01.75.THV             |
| 2   | Phạm Ngọc Nhật Trường    | 01/8/1995             | 1674/QĐ-UBND ngày 29/4/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai | Văn phòng Thi hành án dân sự Doanh nghiệp tư nhân Đồng Nai   | 02.75.THV             |
| 3   | Nguyễn Trúc Diễm         | 29/06/1984            | 2593/QĐ-BTP ngày 18/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp        | Văn phòng Thi hành án dân sự Doanh nghiệp tư nhân Phước Bình | 03.75.THV             |
| 4   | Ngô Văn Thượng           | 01/01/1989            | 203/QĐ-BTP ngày 08/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp         | Văn phòng Thi hành án dân sự Công ty hợp danh Biên Hoà       | 04.75.THV             |
| 5   | Đỗ Thái Sơn              | 16/05/1990            | 204/QĐ-BTP ngày 08/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp         | Văn phòng Thi hành án dân sự Công ty hợp danh Biên Hoà       | 05.75.THV             |

|    |                     |            |                                                                             |                                                                                       |           |
|----|---------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 6  | Nguyễn Hoàng Yến    | 18/10/1995 | 145/QĐ-UBND<br>ngày 14/5/2026<br>của Chủ tịch<br>UBND thành<br>phố Đồng Nai | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Biên Hoà                       | 06.75.THV |
| 7  | Mạch Ngọc Vân       | 17/10/1981 | 236/QĐ-BTP<br>ngày<br>30/01/2015<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp             | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Biên Hoà                       | 07.75.THV |
| 8  | Trương Quốc Nguyên  | 01/10/1981 | 479/QĐ-BTP<br>ngày 23/3/2016<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp                 | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Phương<br>Nam                  | 08.75.THV |
| 9  | Nguyễn Minh Đức     | 02/7/1979  | 236/QĐ-BTP<br>ngày<br>30/01/2015<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp             | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Doanh nghiệp<br>tư nhân Khu<br>vực 1 - Đồng<br>Nai | 09.75.THV |
| 10 | Nguyễn Thị Ngọc Lợi | 20/10/1995 | 442/QĐ-UBND<br>ngày 27/5/2026<br>của Chủ tịch<br>UBND thành<br>phố Đồng Nai | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Phương<br>Nam                  | 10.75.THV |
| 11 | Hoàng Thế Tiên      | 22/11/1999 | 147/QĐ-UBND<br>ngày 14/5/2026<br>của Chủ tịch<br>UBND thành<br>phố Đồng Nai | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Doanh nghiệp<br>tư nhân Khu<br>vực 1 - Đồng<br>Nai | 11.75.THV |
| 12 | Lưu Trường Hận      | 22/04/1974 | 1049/QĐ-BTP<br>ngày 10/5/2018<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp                | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Doanh nghiệp<br>tư nhân Đồng<br>Nai                | 12.75.THV |
| 13 | Lê Thị Quỳnh Nga    | 03/5/1986  | 233/QĐ-BTP<br>ngày<br>30/01/2015<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp             | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Doanh nghiệp<br>tư nhân Long<br>Thành              | 13.75.THV |

|    |                 |            |                                                                             |                                                                          |           |
|----|-----------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 14 | Phan Văn Phúc   | 09/11/1973 | 3408/QĐ-BTP<br>ngày<br>19/12/2014<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp            | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Doanh nghiệp<br>tư nhân Trảng<br>Bom  | 14.75.THV |
| 15 | Nông Văn Hạnh   | 10/01/1986 | 1980/QĐ-BTP<br>ngày<br>19/9/2016<br>của Bộ trưởng Bộ<br>Tư pháp             | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Thống<br>Nhất     | 15.75.THV |
| 16 | Nguyễn Văn Hiền | 10/04/1975 | 649/QĐ-UBND<br>ngày 08/6/2026<br>của Chủ tịch<br>UBND thành<br>phố Đồng Nai | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Thống<br>Nhất     | 16.75.THV |
| 17 | Nguyễn Hữu Tâm  | 30/06/1987 | 669/QĐ-BTP<br>ngày 15/5/2017<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp                 | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Thống<br>Nhất     | 17.75.THV |
| 18 | Đỗ Đình Thê     | 12/09/1959 | 880/QĐ-BTP<br>ngày 12/4/2019<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp                 | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Doanh nghiệp<br>tư nhân Nhơn<br>Trạch | 18.75.THV |
| 19 | Đặng Trung Hiếu | 30/06/1978 | 428/QĐ-BTP<br>ngày 23/3/2016<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp                 | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Doanh nghiệp<br>tư nhân Phước<br>Long | 19.75.THV |
| 20 | Lê Thuý Mai     | 06/11/1960 | 1508/QĐ-BTP<br>ngày 12/7/2016<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp                | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Doanh nghiệp<br>tư nhân Nhơn<br>Trạch | 21.75.THV |
| 21 | Nguyễn Công Đệ  | 03/02/1991 | 97/QĐ-BTP<br>ngày<br>25/01/2021<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp              | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Thành<br>Công     | 22.75.THV |

|    |                        |            |                                                                                        |                                                                          |           |
|----|------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 22 | Phạm Hà Hải            | 26/07/1992 | 2321/QĐ-BTP<br>ngày<br>23/11/2020<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp                       | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Thành<br>Công     | 23.75.THV |
| 23 | Dương Tấn<br>Thành     | 02/04/1997 | 243/QĐ-UBND<br>ngày 18/5/2026<br>của Chủ tịch<br>UBND thành<br>phố Đồng Nai            | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Doanh nghiệp<br>tư nhân Bình<br>Phước | 24.75.THV |
| 24 | Nguyễn Văn<br>Vị       | 19/05/2000 | 3941/QĐ-<br>UBND ngày<br>29/6/2026<br>của Chủ tịch<br>UBND thành<br>phố Hồ Chí<br>Minh | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Thành<br>Công     | 25.75.THV |
| 25 | Trần Hoàng<br>Điệp     | 11/04/1988 | 1529/QĐ-<br>UBND ngày<br>11/5/2026<br>của Chủ tịch<br>UBND tỉnh<br>Hưng Yên            | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Doanh nghiệp<br>tư nhân Tâm<br>An     | 26.75.THV |
| 26 | Trần Lan<br>Hương      | 01/7/1979  | 493/QĐ-BTP<br>ngày 29/3/2021<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp                            | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Doanh nghiệp<br>tư nhân Tâm<br>An     | 27.75.THV |
| 27 | Trần Thị Ánh<br>Nguyệt | 07/01/1966 | 1672/QĐ-BTP<br>ngày 04/8/2016<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp                           | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Khu vực<br>10     | 28.75.THV |
| 28 | Lê Quốc<br>Ninh        | 27/03/1955 | 2918/QĐ-BTP<br>ngày<br>21/11/2019<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Tư pháp                       | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Khu vực<br>10     | 29.75.THV |
| 29 | Dương Minh<br>Hoàng    | 20/11/1971 | 15505/QĐ-<br>UBND ngày<br>24/8/2026<br>của Chủ tịch<br>UBND tỉnh<br>Tây Ninh           | Văn phòng Thi<br>hành án dân sự<br>Công ty hợp<br>danh Phương<br>Nam     | 30.75.THV |

|    |                  |            |                                                                   |                                                             |                                                           |
|----|------------------|------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| 30 | Lỗ Thị Dung      | 10/02/1993 | 3312/QĐ-UBND ngày 09/10/2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đồng Nai | Văn phòng Thi hành án dân sự Công ty hợp danh Khu vực 10    | 31.75.THV                                                 |
| 31 | Đào Duy Hiền Phú | 06/4/1983  | 1601/QĐ-BTP ngày 04/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp              | Văn phòng Thi hành án dân sự doanh nghiệp tư nhân Trần Biên | Thẻ Thừa phát lại số 05/TPL (chưa đổi Thẻ Thừa hành viên) |

Sở Tư pháp thông tin để các cá nhân, tổ chức có liên quan được biết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp;
- Cục QLTHADS - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố;
- TAND thành phố; VKSND thành phố; THADS thành phố;
- Thống kê thành phố;
- Thuế thành phố;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;;
- Trang TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, BTTP



**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

*(Handwritten signature in blue ink)*

**Nguyễn Trọng Trí**